

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 2168/STNMT-BVMT ngày 16/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (*dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Điều 146, 147, 148, 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Khoản 3 Điều 45 và khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 quy định:

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

- Khoản 9, 10 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

## II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

### 1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Khoản 3 Điều 45 và khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định:

#### **“Điều 45. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường**

...3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

**...Điều 169. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến bảo vệ môi trường**

4. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 như sau:

1.4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.
-----	--	--

b) Bổ sung điểm 1.6 và sau điểm 1.5 như sau:

1.6	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương
-----	---	---

		thực hiện.
--	--	------------

c) Bãi bỏ điểm 5.4, điểm 6.3 và tiểu mục 9<sup>1</sup>”.

- Khoản 9, 10 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định:

**“Điều 2. Danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

...9. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)

10. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện) ”.

Căn cứ các quy định nêu trên và khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)<sup>2</sup> thì việc Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

**2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết**

<sup>1</sup> Điểm 5.4, điểm 6.3 và tiểu mục 9 quy định:

5.4	Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan trung ương thực hiện; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.
6.3	Phí thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu phế liệu, xử lý chất thải nguy hại	Bộ Tài chính
9	Phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	Bộ Tài chính

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

## 2.1. Điều 1 quy định:

“Điều 1. Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

Đề nghị chỉnh sửa tên Điều 1 thành “Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng” để bảo đảm thống nhất với nội dung Điều này.

## 2.2. Điều 2 (Mức thu và chế độ thu, nộp phí)

### a) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- **Khoản 1.1** quy định: “Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh”, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “yêu cầu thẩm định” thành “đề nghị thẩm định” để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: “Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường...”

### - Điểm 1.3 quy định:

“1.3. Mức thu:

TT	Nội dung	Mức thu (Triệu đồng)				
		Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500
1	Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0

5	Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	6,0	10,8	12,0	15,6”

Đề nghị chỉnh sửa các cụm từ: “tỷ VNĐ” thành “tỷ đồng”; “ $\leq 50$ ” thành “từ 50 trở lên”; “ $>50$  và  $\leq 100$ ” thành “trên 50 đến 100”; “ $>100$  và  $\leq 200$ ” thành “trên 100 đến 200”; “ $>200$  và  $\leq 500$ ” thành “trên 200 đến 500”; “ $>500$ ” trên “trên 500”. Đồng thời, chỉnh sửa tương tự tại khoản 2.3 Điều này.

**b) Phí thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và Phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường**

**- Khoản 2.1 và khoản 3.1:**

Khoản 2.1 quy định: “Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu thẩm phương án cải tạo, phục hồi môi trường (báo cáo riêng) của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Khoản 3.1 quy định: “Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu thẩm cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.

Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “hồ sơ yêu cầu thẩm” thành “hồ sơ đề nghị thẩm định”.

**- Khoản 3.2 quy định:**

“3.2. Cơ quan tổ chức thu phí

a) Cơ quan cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường

b) Cơ quan cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.

Đề nghị bỏ cụm từ “Cơ quan cấp tỉnh” và “Cơ quan cấp huyện”.

**- Khoản 3.3:**

+ Gạch đầu dòng (-) thứ 3 điểm a quy định: “Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện”, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” thành “Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.

+ Điểm b quy định: “*Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường: Bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại nêu trên*”, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*nêu trên*” thành “*quy định tại điểm a khoản này*”.

### **2.3. Điều 3 (Quản lý và sử dụng phí) quy định:**

“1. *Cơ quan, tổ chức thu phí được để lại 80% trên tổng số phí thu được để chi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí.*

2. *Phần còn lại (20%) cơ quan, tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định*”.

Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*80% trên tổng số phí thu được*” thành “*80% số thu phí*”; “*Phần còn lại (20%)*” thành “*20% số thu phí*”.

**2.4. Khoản 2 Điều 4 (Tổ chức thực hiện) quy định:** “*Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này*”.

Đề nghị bổ sung chủ thể giám sát là “*Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh*”.

**2.5. Nơi nhận:** Đề nghị bỏ nơi nhận “*TT UBND tỉnh*”; đồng thời sắp xếp lại địa chỉ nơi nhận theo thứ tự địa vị pháp lý từ cao xuống thấp.

### **3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo**

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*) như: Kết thúc phần căn cứ ban hành bằng dấu chấm (.); v.v...

## **III. KẾT LUẬN**

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo Mục II, khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.  
(Lan.05b)

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**